

Bản án số 64/2019/DS-PT
Ngày 27 - 9 - 2019
“V/v Tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần
Ông Trần Quốc Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 59/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vương Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn: Ông Trần Thanh Bình, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Dung Sự và Cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Võ Văn Q, sinh năm 1978; anh Võ Văn T, sinh năm 1983 và anh Võ Văn T1, sinh năm 1984 (anh Q, anh T và anh T1 đều là con của bà H); địa chỉ: Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Trần Anh T2, sinh năm 1989; chị Trần Thị O, sinh năm 1990 và chị Trần Thị Th, sinh năm 1993 (anh T2, chị O và chị Th đều là con của bà L); địa chỉ: Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An; anh Tiến vắng mặt, chị Th và chị O có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Đào Thị L2, sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1, chị O và chị Th: Bà Phạm Thị Quỳnh Trang, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đôha Vina, Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh; có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Bà Bùi Thị L, bà Đào Thị L2, chị Trần Thị O và chị Trần Thị Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Vương Thị H trình bày: Vào năm 1977, bà H kết hôn với ông Võ Văn Hoa, khi đó vợ chồng bà là cán bộ kiểm lâm. Đến năm 1987, vợ chồng bà về quê tại xã D1 để sinh sống và được Hợp tác xã Nông nghiệp xã D1 cấp cho một thửa đất ở liền kề Quốc lộ 7 thuộc Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An. Gia đình bà là người đến ở đầu tiên tại khu vực đang sinh sống (khi cấp đất có thu tiền). Khi giao đất, hợp tác xã không lập biên bản giao đất mà chỉ đến đo cắm mốc và giao bằng miệng. Đến năm 1991, chồng bà là ông Võ Văn Hoa chết; đến năm 1993, bà làm một ngôi nhà mái bằng trên thửa đất (thửa số 21) và năm 1996 được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 21 có diện tích 475 m², nay là thửa đất số 78 có diện tích 640,7 m² tại Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An. Nay, bà Bùi Thị L xây bờ tường lấn sang đất của bà 40 m² (vì đất bên nhà bà L nên không thể đo chính xác). Khi bà L xây bờ tường lấn sang đất của bà thì bà đã trực tiếp nói với bà L nhiều lần nhưng bà L không nghe. Bà khẳng định bà Bùi Thị L đã lấn chiếm đất của bà, phía dưới phần đất lấn chiếm có cả hầm vôi ở dưới lòng đất.

Bị đơn bà Bùi Thị L trình bày: Năm 1988, mẹ chồng bà được Hợp tác xã Nông nghiệp xã D1 cấp đất ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại thửa đất số 21b có diện tích 460 m² (trong đó có 200 m² đất ở và 260 m² đất vườn), nay là thửa đất số 79 với diện tích thực tế là 716,5 m² tại Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An mang tên chồng bà là ông Trần Văn C (ông C đã chết năm 2005). Sau khi được cấp đất, năm 1993, gia đình bà đã xây bờ tường ngăn cách giữa hai gia đình từ đó cho đến nay không có tranh chấp. Trong thời gian sử dụng, bà có trồng cây, hiện tại trên phần đất tranh chấp có 01 cây khế, 01 cây bưởi, 01 cây dừa và bà không yêu cầu bồi thường công tôn tạo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Q, anh Võ Văn T, anh Võ Văn T1 (là con của bà Vương Thị H) đều thống nhất như trình bày của bà H.

Bà Đào Thị L2 (mẹ chồng của bà Bùi Thị L) trình bày: Năm 1988, bà ở Nông trường Trịnh Môn về, vợ chồng bà xin Hợp tác xã D1 cấp đất ở có thu tiền nhưng không có giấy tờ gì cả. Sau đó, vợ chồng bà tặng cho con trai và con dâu là ông Trần Văn C và bà Bùi Thị L, người đứng tên trong giấy chứng nhận là ông C. Khi hợp tác xã cấp đất ở cho gia đình bà là 460 m², gia đình bà ở từ ngày cấp cho đến nay không có tranh chấp với ai. Bờ tường ranh giới giữa hai gia đình bà và bà Vương Thị H là bờ tường do gia đình bà xây từ năm 1993 cho đến nay. Nay, bà Vương Thị H tranh chấp yêu cầu gia đình bà trả lại 40 m² đất do gia đình bà lấn chiếm bà không nhất trí.

Chị Trần Thị O, chị Trần Thị Th (con bà Bùi Thị L) đều thống nhất với trình bày của bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1, chị O và chị Th trình bày: Đường biên giới giữa hai nhà hiện tại vẫn là đường thẳng đứng như trong bản đồ. Hai nhà đã ở từ trước tới nay không có tranh chấp nên việc khởi kiện của bà Vương Thị H là không có căn cứ.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26, khoản 5, khoản 7 Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 579, Điều 580 và Điều 236 Bộ luật Dân sự; xử:

- Buộc bà Bùi Thị L phải hoàn trả cho bà Vương Thị H diện tích đất bị lấn chiếm là 40 m² tại thửa đất số 21 có diện tích 475 m² nay là thửa đất số 78 với diện tích là 640,7 m² tại Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An nhưng bà Bùi Thị L được nhận từ bà Vương Thị H số tiền đền bù cây cối và tiền xây bờ tường là 3.150.000 đồng;

- Giao cho bà Vương Thị H được sở hữu quyền sử dụng 40 m² đất tranh chấp tại thửa đất số 21 nay là thửa đất số 78 tại Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An. Phần đất cụ thể như sau: Phần đất là một hình tam giác, cạnh phía Tây có chiều dài 18 mét, tính từ điểm cuối phía Đông của cạnh phía Bắc đất của bà Bùi Thị L (tính từ phía Tây sang Đông là 20,49 mét) kéo dài về phía Nam tiếp giáp với bờ tường ranh giới của hai nhà bà L và bà H 18 mét. Cạnh phía Bắc dài 5,7 mét (mốc từ điểm cuối phía Đông của cạnh phía Bắc của đất bà Bùi Thị L với điểm cuối phía Tây cạnh phía Bắc đất của bà Vương Thị H). Cạnh phía Đông có chiều dài 15,3 mét nối từ điểm cuối phía Tây cạnh phía Bắc của đất bà Vương Thị H với tiếp giáp với bờ tường ranh giới hai gia đình bà H và bà L (có sơ đồ kèm theo);

- Giao cho bà Vương Thị H được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 cây dừa trị giá 250.000 đồng, 01 cây bưởi trị giá 200.000 đồng, 01 cây khế trị giá 200.000 đồng và 01 bờ tường trị giá 2.500.000 đồng; tổng giá trị là 3.150.000

đồng nhưng bà Vương Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà Bùi Thị L giá trị tài sản trên đất là 3.150.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lỗi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 4 năm 2019, bà Bùi Thị L, bà Đào Thị L2, chị Trần Thị O và chị Trần Thị Th kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm hoặc tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L, bà L1, chị O, chị Th và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự này đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích của các đương sự cho rằng Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và Kiểm sát viên có tên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử có sự khác nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử xác minh làm rõ.

Nguyên đơn bà Vương Thị H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Q, anh Võ Văn T và anh Võ Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Bà Bùi Thị L, bà Đào Thị L2, chị Trần Thị O và chị Trần Thị Th kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259, Điều 304 Bộ luật Tố tụng dân sự để tạm ngừng phiên tòa, tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ lại diện tích đất tranh chấp làm cơ sở giải quyết vụ án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có sai sót về cách tính án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh Trần Anh T2 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt

không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung vụ án: Bà Vương Thị H khởi kiện cho rằng quá trình sử dụng đất, khi xây dựng bờ tường, gia đình bà Bùi Thị Hương đã lấn chiếm sang đất của gia đình bà. Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị H, buộc bị đơn bà Bùi Thị L phải hoàn trả diện tích đất lấn chiếm là 40 m². Sau khi xét xử sơ thẩm, bà L, bà L1, chị O và chị Th kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm hoặc không toàn bộ khởi kiện của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4] Xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Năm 1987, vợ chồng bà Vương Thị H, ông Võ Văn Hoa được Hợp tác xã Nông nghiệp xã D1 cấp một thửa đất liền kề Quốc lộ 7 tại Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An là thửa đất số 21a, bản đồ số 4, có diện tích 475 m² (nay là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 21, có diện tích 640,7 m²) tại Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An. Năm 1988, bà Đào Thị L2 (mẹ chồng bà Bùi Thị L) được Hợp tác xã Nông nghiệp xã D1 cấp diện tích đất 440 m² tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 04 (nay là thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21, diện tích 716,5 m²). Bà L1 đã tặng cho diện tích đất này cho ông Trần Văn C (chồng bà L đã chết năm 2005) và được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996. Thửa đất của gia đình bà H và bà L là liền kề nhau, được ngăn cách bởi bờ tường do bà L xây dựng.

Căn cứ trích lục bản đồ địa chính và các bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất thể hiện: Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 21 của bà Bùi Thị L có hình thể là một hình chữ nhật (tương đối) với tứ cận phía Bắc giáp đường đất dài 19,26 mét; phía Nam giáp Quốc lộ 7A dài 18,28 mét; phía Đông giáp thửa đất của bà Vương Thị H (thửa đất số 78) dài 23,33 mét và 13,02 mét; phía Tây giáp thửa đất số 80 dài 13,56 mét và 23,84 mét. Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 21 của bà Vương Thị H có hình thể là một hình tứ giác (tương đối) với tứ cận phía Bắc giáp đường đất dài 5,74 mét, 28,1 mét, 0,41 mét và 2,89 mét; phía Nam và phía Đông giáp Quốc lộ 7A dài 20,56 mét và 13,96 mét; phía Tây giáp thửa đất của bà L (thửa đất số 78) dài 23,33 mét và 13,02 mét. Ranh giới giữa thửa đất của bà H và bà L là một đường thẳng (tương đối) có chiều dài 23,33 mét và 13,02 mét.

Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ ngày 22 tháng 8 năm 2018 thì hình thể hai thửa đất có sự thay đổi và đều là một hình ngũ giác (tương đối). Ranh giới giữa hai thửa đất không phải là một đường thẳng (tương đối) mà là một đường gấp khúc gồm 02 đoạn. Đoạn bờ tường có chiều dài 15,3 mét được bà L xây dựng chéo sang thửa đất của bà H. Do đó, có căn cứ xác định bà Bùi Thị L đã có hành vi lấn chiếm đất của bà Vương Thị H trong quá trình xây dựng đoạn bờ tường ngăn cách hai thửa đất.

Qua nghiên cứu hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất lấn chiếm là một hình tam giác có các cạnh là 18 mét, 15,3 mét và 5,7 mét là có căn cứ. Trên diện tích đất này, có một số tài sản trên đất là các cây ăn quả do bà L trồng nên cần buộc bà H phải hoàn trả giá trị số cây này và giá trị bờ tường bà L đã xây dựng là phù hợp, bảo đảm quyền lợi của bà L.

Từ những cơ sở và lập luận nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị L, bà Đào Thị L2, chị Trần Thị O và chị Trần Thị Th, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, bà L1, chị Th và chị O còn đề nghị Hội đồng xét xử xác minh Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm và Kiểm sát viên có tên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm có sự khác. Xét thấy,

[5] Đối với yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử xác minh làm rõ việc Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm và Kiểm sát viên có tên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm là khác nhau, xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã hỏi các đương sự có đề nghị thay đổi ai trong số những người tiến hành tố tụng hay không? Các đương sự không có yêu cầu gì và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Do đó, việc này đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm làm rõ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần phải xác minh thêm nữa.

[6] Về án phí sơ thẩm: Đây là vụ án Dân sự về tranh chấp lấn chiếm đất trong đó yêu cầu của đương sự không phải là một số tiền hoặc không thể xác định được giá trị bằng một số tiền cụ thể nên là vụ án dân sự không có giá ngạch. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm quyết định bà Bùi Thị L phải chịu án phí 4.800.000 đồng là không có chính xác và cần rút kinh nghiệm. Trường hợp này, đương sự chỉ phải chịu án phí dân sự 300.000 đồng.

[7] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định. Bà Đào Thị L2 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị L, bà Đào Thị L2, chị Trần Thị O và chị Trần Thị Th, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Áp dụng Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26; khoản 5, khoản 7 Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 579, Điều 580 và Điều 236 Bộ luật Dân sự; xử:

- Buộc bà Bùi Thị L phải hoàn trả cho bà Vương Thị H diện tích đất bị lấn chiếm là 40 m² tại thửa đất số 21 có diện tích 475 m² nay là thửa đất số 78 với diện tích là 640,7 m² tại Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An nhưng bà Bùi Thị L được nhận từ bà Vương Thị H số tiền đền bù cây cối và tiền xây bờ tường là 3.150.000 đồng (Ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng);

- Giao cho bà Vương Thị H được sở hữu quyền sử dụng 40 m² đất tranh chấp tại thửa đất số 21 nay là thửa đất số 78 tại Xóm 4, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An. Phần đất cụ thể như sau: Phần đất là một hình tam giác, cạnh phía Tây có chiều dài 18 mét, tính từ điểm cuối phía Đông của cạnh phía Bắc đất của bà Bùi Thị L (tính từ phía Tây sang Đông là 20,49 mét) kéo dài về phía Nam tiếp giáp với bờ tường ranh giới của hai nhà bà L và bà H 18 mét. Cạnh phía Bắc dài 5,7 mét (mốc từ điểm cuối phía Đông của cạnh phía Bắc của đất bà Bùi Thị L với điểm cuối phía Tây cạnh phía Bắc đất của bà Vương Thị H). Cạnh phía Đông có chiều dài 15,3 mét nối từ điểm cuối phía Tây cạnh phía Bắc của đất bà Vương Thị H với tiếp giáp với bờ tường ranh giới hai gia đình bà H và bà L (có sơ đồ kèm theo);

- Giao cho bà Vương Thị H được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 cây dừa trị giá 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), 01 cây bưởi trị giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), 01 cây khế trị giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 01 bờ tường trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng); tổng giá trị là 3.150.000 đồng (Ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng bà Vương Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà Bùi Thị L giá trị tài sản trên đất là 3.150.000 đồng (Ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Vương Thị H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004503 ngày 07 tháng 5 năm 2018.

- Về án phí phúc thẩm:

+ Buộc bà Bùi Thị L, chị Trần Thị Th và chị Trần Thị O mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mỗi người đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004632, số AA/2018/0004633 và số AA/2018/0004634 cùng ngày 06 tháng 5 năm 2019.

+ Miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho bà Đào Thị L2; trả lại cho bà Đào Thị L2 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004631 ngày 06 tháng 5 năm 2019.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phồn